

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 35 Phạm Văn Khóa, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 31



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (tiếng nước ngoài: Viet Brand Invest Joint Stock Company) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Thời trang Gia My- từ ngày 01 tháng 06 năm 2015 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 số 0312080709 (trước đó Công ty CP Thời trang Gia My được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Kiến An). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0312080709 ngày 10 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 24/12/2019.

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là ABR.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 5413 8366

Fax : +84 (28) 5413 8370

Mã số thuế : 0312080709

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, dược phẩm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, cháy cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết : Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản và môi giới bảo hiểm);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết : Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, lúa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn hàng nông, lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết : Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phụ vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến bãi, giao thông, thủy lợi, xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khí du lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính;
- Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ho, Feng Tao	Chủ tịch	29/07/2019	
Ông Shih Chien Sheng	Thành viên	14/06/2019	
Ông Lu, Hui-Hung	Thành viên	14/06/2019	
Bà Lan, Wan-Chen	Thành viên	14/06/2019	
Bà Hoàng Như Quỳnh	Thành viên	14/06/2019	
Ông Trần Thanh Dũng	Chủ tịch	06/12/2015	14/06/2019
Bà Trương Thị Vân	Thành viên	10/12/2015	14/06/2019
Ông Trương Thành Hưng	Thành viên	05/01/2017	14/06/2019
Ông Ngô Văn Triển	Thành viên	29/04/2017	14/06/2019

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban	29/07/2019	
Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên	14/06/2019	
Bà Tsai, Hsiu-Li	Thành viên	14/06/2019	
Bà Phan Thị Thơm	Trưởng ban		14/06/2019
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên		14/06/2019

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lan, Wan-Chen	Tổng Giám đốc	14/06/2019	-
Bà Trương Thị Vân	Tổng Giám đốc	01/06/2015	14/06/2019



ĐẶC
C
PH
U
V
T
M
H

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ho, Feng Tao (Chủ tịch Hội đồng quản trị) và bà Lan, Wan-Chen (Tổng Giám đốc).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Thay mặt Hội đồng quản trị,



HỒ BÌNH TẠO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

C.P. M.S.D.

Số: 2149/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

12/03/20
ÔN NHÌ OÁN UÃ
TP.

03/15
CC
D.
HÀ
PK

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

27 THÁNG 3 NĂM 2020

10/03/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		171.092.607.309	23.124.788.558
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	102.791.258.558	1.087.741.742
111	1. Tiền		82.515.756.705	1.087.741.742
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.275.501.853	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		44.313.021.370	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	44.313.021.370	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.354.865.277	19.111.044.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	19.367.297.804	9.762.329.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.451.527.197	22.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	1.431.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	2.536.040.276	7.895.215.000
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	273.732.408	2.807.659.633
141	1. Hàng tồn kho		273.732.408	2.807.659.633
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		359.729.696	118.343.183
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	126.034.734	650.007
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		217.331.106	117.693.176
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	601.886	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		15.761.970	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		87.340.901.189	12.864.885.845
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		102.728.340	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	102.728.340	-
220	II. Tài sản cố định		350.034.505	2.603.714.162
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	350.034.505	2.603.714.162
222	- Nguyên giá		2.489.351.992	2.660.714.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.139.317.487)	(56.999.838)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.952.838.784	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	14.952.838.784	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		43.262.166	8.269.171.683
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	43.262.166	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		71.892.037.394	1.992.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.901.111.464	1.992.000.000
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.174.855.165	-
269	3. Lợi thế thương mại	V.10	67.816.070.765	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		258.433.508.498	35.989.674.403

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		46.721.722.870	2.676.294.714
310	I. Nợ ngắn hạn		44.497.062.088	2.676.294.714
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	33.131.436.132	60.500.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	314.725.187	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	5.463.596.187	529.480.898
314	4. Phải trả người lao động		2.945.927.078	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	828.361.182	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15a	1.813.016.322	106.313.816
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	-	1.980.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	II. Nợ dài hạn		2.224.660.782	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.15b	2.224.660.782	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		211.711.785.628	33.313.379.689
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	211.711.785.628	33.313.379.689
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	30.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	30.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.711.785.628	3.313.379.689
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.313.379.689	1.586.741.089
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.398.405.939	1.726.638.600
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		258.433.508.498	35.989.674.403

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH

LAN, WAN-CHEN

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	27.047.585.936	21.250.147.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.047.585.936	21.250.147.000
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	14.820.415.822	18.476.028.735
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.227.170.114	2.774.118.265
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.159.503.491	107.584
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	59.903.820	110.356.220
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		59.903.820	110.356.220
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	610.707.494	118.353.677
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	2.801.680.677	387.217.702
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.914.381.614	2.158.298.250
31	12. Thu nhập khác		165.697.941	-
32	13. Chi phí khác	VI.7	322.555.871	-
40	14. Lợi nhuận khác		(156.857.930)	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.757.523.684	2.158.298.250
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	2.359.117.745	431.659.650
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.398.405.939	1.726.638.600
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		8.398.405.939	1.726.638.600
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.604	576
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.604	576

Người lập biểu



NGUYỄN HẢI LINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN HẢI LINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020.



Tổng Giám Đốc

LAM, WAN-CHEN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.13	10.757.523.684	2.158.298.250
			265.590.786	126.534.304
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	V.8	2.139.317.487	16.285.668
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		(10.828.317)	-
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3; VI.7	(1.922.802.204)	(107.584)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	59.903.820	110.356.220
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.023.114.470	2.284.832.554
			(67.170.348.525)	(8.947.963.100)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.533.927.225	(1.936.741.265)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		44.191.636.506	(2.403.602.407)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(67.850.566.956)	(1.987.325.685)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		(59.903.820)	(110.356.220)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(525.326.095)	(4.000.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(77.857.467.195)	(13.105.156.123)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.8; V.9	(19.617.045.941)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	2.367.012.875	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(44.313.021.370)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		60.931.500.000	13.420.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.262.166)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.280.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	3.935.800.613	107.584
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.540.984.011	13.420.107.584
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	V.17c	170.000.000.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.16	1.982.000.000	3.581.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.16	(3.962.000.000)	(3.203.000.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		168.020.000.000	378.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		101.703.516.816	692.951.461
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	1.087.741.742	394.790.281
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	102.791.258.558	1.087.741.742

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH



WANG, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt và 01 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Một số ngành nghề kinh doanh chính trong năm:

- Bán buôn, bán lẻ sản phẩm nông, lâm nghiệp như cà phê hạt, cà phê hòa tan;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Trong năm, Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt thực hiện thanh lý hết tài sản cố định và hàng tồn kho tại Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt, tập trung vào hoạt động đầu tư mua cổ phần của các công ty khác. Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt thực hiện mua lại toàn bộ cổ phần tại Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới tại ngày 15/11/2019. Kết quả kinh doanh (hợp nhất) năm nay được hợp cộng từ kết quả kinh doanh của công ty mẹ (Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt) từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 với kết quả kinh doanh của công ty con (Công ty TNHH MTV DV Cuộc Sống Mới từ ngày 15/11/2019 đến ngày 31/12/2019), không có tính so sánh với Kết quả kinh doanh năm trước chỉ là Kết quả kinh doanh của công ty mẹ từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. Cấu trúc Tập đoàn

6.1. Công ty con

Số lượng công ty con: 01.

Số lượng công ty con được hợp nhất: 01.

Thông tin về Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới	Tầng 02, CR3-16, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng. Kinh doanh dịch vụ viễn thông.	100%	100%	100%	0%	0%	0%

6.2. Công ty liên kết

Số lượng công ty liên kết: 01.

Thông tin về Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Công nghiệp Máy và Giày da Phước Bình	Cụm CN Phước Bình, ấp 4, Xã Phước Bình, Huyện Long Thành, Đồng Nai	Sản xuất, thương mại các mặt hàng may, giày da, giá da.	0%	0%	0%	46%	46%	46%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 94 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 10 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (lợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với cả phê nhân và cả phê thành phẩm robusta và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất làm nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 20 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc	02 - 07
Thiết bị vận phòng	03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

19/01/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa (cả phê nhân robusta, cả phê thành phẩm robusta) được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ (điện thoại và internet) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Số liệu so sánh

Kết quả kinh doanh (hợp nhất) năm nay được hợp cộng từ kết quả kinh doanh của công ty mẹ (Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt) từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 với kết quả kinh doanh của công ty con (Công ty TNHH MTV DV Cuộc Sống Mới từ ngày 15/11/2019 đến ngày 31/12/2019), không có tính so sánh với Kết quả kinh doanh năm trước chỉ là Kết quả kinh doanh của công ty mẹ từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	25.797.498	844.455.079
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.489.959.207	243.286.663
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	20.275.501.853	-
Cộng	102.791.258.558	1.087.741.742

^(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng với thời gian gửi dưới 03 tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu của khách hàng không là bên liên quan</i>	19.367.297.804	9.762.329.000
- Chi nhánh Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn – Trung tâm Điện thoại SPT	2.902.324.445	-
- Chi nhánh Tổng Công ty DV Viễn Thông – Trung tâm Hỗ trợ Bán hàng Miền Nam	1.872.908.008	-
- Phải thu các khách hàng khác	14.592.065.351	9.762.329.000
Cộng	19.367.297.804	9.762.329.000

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán không là bên liên quan</i>	1.451.527.197	22.000.000
- Rosenberger Technology (Kunshan) Co.,Ltd	666.073.790	-
- Trả trước cho các người bán khác	785.453.407	22.000.000
Cộng	1.451.527.197	22.000.000

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	2.536.040.276	7.895.215.000
- Tạm ứng cho nhân viên	162.813.500	409.000.000
- Ký quỹ	10.000.000	-
- Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	1.464.922.236	-
- Phải thu về việc thanh toán lý khoản đầu tư vào công ty khác	-	7.234.025.000
- Đối tượng khác	898.304.540	252.190.000
Cộng	2.536.040.276	7.895.215.000

5b. Phải thu dài hạn khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	102.728.340	-
- Ký quỹ	102.728.340	-
Cộng	102.728.340	-

6. Hàng tồn kho

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	271.883.013	-	-	-
- Hàng hóa	1.849.395	-	2.807.659.633	-
Cộng	273.732.408	-	2.807.659.633	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ	126.034.734	650.007
Cộng	126.034.734	650.007

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	650.007	5.324.322
Tăng trong năm	330.160.576	-
Phân bổ trong năm	(204.775.849)	(4.674.315)
Số cuối năm	126.034.734	650.007

7b. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền thuê đất ^(*)	1.892.400.000	1.992.000.000
- Công cụ, dụng cụ	8.711.464	-
Cộng	1.901.111.464	1.992.000.000

^(*) Là khoản tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTND.2018 ngày 25/12/2018 với bà Trương Thị Vân và chồng bà Vân đồng sở hữu tại khu đất: Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 54, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. HCM. Mục đích thuê: làm văn phòng. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.992.000.000	-
Tăng trong năm	9.358.358	1.992.000.000
Phân bổ trong năm	(100.246.894)	-
Số cuối năm	1.901.111.464	1.992.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	97.714.000	2.563.000.000	-	2.660.714.000
2. Tăng trong năm	193.636.364	2.259.415.628	36.300.000	2.489.351.992
- Mua sắm cơ bản chuyển sang	-	219.000.000	-	219.000.000
- Hợp cộng từ việc công ty mẹ nắm quyền kiểm soát trong năm đầu tiên	193.636.364	2.040.415.628	36.300.000	2.270.351.992
3. Giảm trong năm	(97.714.000)	(2.563.000.000)	-	(2.660.714.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(97.714.000)	(2.563.000.000)	-	(2.660.714.000)
4. Số dư cuối năm	193.636.364	2.259.415.628	36.300.000	2.489.351.992
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	193.636.364	1.812.415.628	-	2.006.051.992
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm	56.999.838	-	-	56.999.838
2. Tăng trong năm	193.636.364	1.930.556.128	15.124.995	2.139.317.487
- Khấu hao trong năm	-	34.540.490	2.016.666	36.557.156
- Hợp cộng từ việc công ty mẹ nắm quyền kiểm soát trong năm đầu tiên	193.636.364	1.896.015.638	13.108.329	2.102.760.331
3. Giảm trong năm	(56.999.838)	-	-	(56.999.838)
- Thanh lý, nhượng bán	(56.999.838)	-	-	(56.999.838)
4. Số dư cuối năm	193.636.364	1.930.556.128	15.124.995	2.139.317.487
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	40.714.162	2.563.000.000	-	2.603.714.162
2. Tại ngày cuối năm	-	328.859.500	21.175.005	350.034.505

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Số đầu năm	Hợp cộng từ việc công ty mẹ nắm quyền kiểm soát trong năm đầu tiên	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- Xây dựng cơ bản	-	16.287.883.079	1.058.810.870	(219.000.000)	(2.174.855.165)	14.952.838.784
Cộng	-	16.287.883.079	1.058.810.870	(219.000.000)	(2.174.855.165)	14.952.838.784

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới	-	68.674.502.041	(858.431.276)	67.816.070.765
Cộng	-	68.674.502.041	(858.431.276)	67.816.070.765

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

11. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

Phải trả người bán là bên liên quan

Phải trả người bán không là bên liên quan

- Công ty TNHH Phát triển Phù Mỹ Hưng

- Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn

- Phải trả người bán khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	-
	33.131.436.132	60.500.000
	20.425.254.804	-
	7.646.225.339	-
	5.059.955.989	60.500.000
	33.131.436.132	60.500.000

Tập đoàn không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước

Chi tiết gồm:

Người mua trả tiền trước là bên liên quan

Người mua trả tiền trước không là bên liên quan

- Các người mua trả tiền trước khác (*)

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	-
	314.725.187	-
	314.725.187	-
	314.725.187	-

(*) Là khoản tiền khách hàng sử dụng dịch vụ trả trước nhưng chưa chốt soát được với hóa đơn thu tiền cước.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Hợp cộng từ việc công ty mẹ nắm quyền kiểm soát trong năm đầu tiên	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu		Số phải nộp	Số phải nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.220.364	-	1.316.475.596	(1.148.209.276)	(135.985.410)	41.501.274	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	520.260.534	-	899.912.478	2.359.117.745	(525.326.095)	3.253.964.662	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	159.848.087	587.928.401	(982.500)	746.793.988	-
- Thuế môn bài	-	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	2.118.771.281	(649.974.276)	(48.062.628)	1.421.336.263	601.886
Cộng	529.480.898	-	4.495.007.442	1.153.862.594	(715.356.633)	5.463.596.187	601.886

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.757.523.684	2.158.298.250
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.012.737.234	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	154.305.958	-
+ Các khoản phát sinh từ hợp nhất	858.431.276	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.770.260.918	2.158.298.250
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	11.770.260.918	2.158.298.250
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	2.354.052.184	431.659.650
Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước	5.065.561	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	2.359.117.745	431.659.650

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi nhánh Công ty TNHH KPMG (phi kiểm toán công ty con)	208.800.000	-
- Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	145.397.089	-
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	474.164.093	-
Cộng	828.361.182	-

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả khác cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả khác không phải là bên liên quan</i>	1.813.016.322	106.313.816
- Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	1.434.198.978	-
- Phải trả ngắn hạn khác	378.817.344	106.313.816
Cộng	1.813.016.322	106.313.816

15b. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả khác cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả khác không phải là bên liên quan</i>	2.224.660.782	-
- Nhận ký quỹ của các hộ dân	2.224.660.782	-
Cộng	2.224.660.782	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-	1.980.000.000	1.980.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	1.980.000.000	1.980.000.000
Cộng	-	-	1.980.000.000	1.980.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.980.000.000	1.982.000.000	(3.962.000.000)	-
Cộng	1.980.000.000	1.982.000.000	(3.962.000.000)	-

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Tại ngày 01/01/2018	30.000.000.000	1.586.741.089	-	31.586.741.089
Tăng trong năm	-	1.726.638.600	-	1.726.638.600
- Lãi trong năm	-	1.726.638.600	-	1.726.638.600
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	30.000.000.000	3.313.379.689	-	33.313.379.689
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Tại ngày 01/01/2019	30.000.000.000	3.313.379.689	-	33.313.379.689
Tăng trong năm	170.000.000.000	8.398.405.939	-	178.398.405.939
- Lãi trong năm	-	8.398.405.939	-	8.398.405.939
- Góp vốn trong năm	170.000.000.000	-	-	170.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	200.000.000.000	11.711.785.628	-	211.711.785.628

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Phát triển Quang Thái	157.903.500.000	78,95	-	0,00
- Công ty TNHH Phát triển Vũ Hồng	9.250.200.000	4,63	-	0,00
- Lan, Wan-Chen	9.773.000.000	4,89	-	0,00
- Tsai, Hsiu-Li	9.523.000.000	4,76	-	0,00
- Các cổ đông khác	13.550.300.000	6,77	30.000.000.000	100,00
Cộng	200.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2019.

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	170.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(*) Vốn góp tăng trong năm nay của Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt được tăng theo đợt phát hành chào bán riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Số vốn này đã được sử dụng đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào công ty con).

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

18. Tài khoản ngoài bảng**18a. Cam kết thuế**

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trong vòng 01 năm	96.079.520	-
- Từ 02 năm đến 05 năm	-	-
Cộng	96.079.520	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

18b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	109,03	2.485.482	-	-

18c. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	30.808.523.745	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	5.109.045.877	21.250.147.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.938.540.059	-
Cộng	27.047.585.936	21.250.147.000

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.836.466.884	18.476.028.735
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.983.948.938	-
Cộng	14.820.415.822	18.476.028.735

3. Doanh thu tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

Là lãi vay phải trả trong năm.

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	408.986.015	69.601.677
- Các chi phí khác	201.721.479	48.752.000
Cộng	610.707.494	118.353.677

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	1.839.599.715	184.416.000
- Chi phí dụng cụ văn phòng	11.128.515	4.674.315
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	16.285.668
- Phân bổ lợi thế thương mại	858.431.276	-
- Các chi phí khác	92.521.171	181.841.719
Cộng	2.801.680.677	387.217.702

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ thanh lý tài sản cố định	236.701.287	-
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.367.012.875	-
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ	(2.603.714.162)	-
- Chi phí khác	85.854.584	-
Cộng	322.555.871	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	8.398.405.939	1.726.638.600
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.398.405.939	1.726.638.600
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) ^(*)	5.235.616	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.604	576

^(*) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	Số lượng CP tăng/(giảm)	Số ngày lưu hành trong năm	Số lượng CP lưu hành bình quân trong năm
Số đầu năm	3.000.000	365	3.000.000
Tăng trong năm	17.000.000	48	2.235.616
Cộng số lượng CP lưu hành bình quân trong năm			5.235.616

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	8.398.405.939	1.726.638.600
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.398.405.939	1.726.638.600
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) ^(*)	5.235.616	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.604	576

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	72.061.984	-
- Chi phí nhân công	3.563.514.321	254.017.677
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.557.156	16.285.668
- Phân bổ lợi thế thương mại	858.431.276	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	8.580.056.987	235.268.034
Cộng	13.110.621.724	505.571.379

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm Nay	Năm trước
- Lương	145.750.000	159.600.000
- Cổ tức	-	-
Cộng	145.750.000	159.600.000

2. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.398.405.939	1.726.638.600
Vốn chủ sở hữu đầu năm	33.313.379.689	31.586.741.089
Vốn chủ sở hữu cuối năm	211.711.785.628	33.313.379.689
Vốn chủ sở hữu bình quân	122.512.582.659	32.450.060.389
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	6,86%	5,32%

3. Báo cáo bộ phận**3.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm nay

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán hàng hóa (cà phê)	5.109.045.877	4.836.466.884	272.578.993
Cung cấp dịch vụ (viễn thông)	21.938.540.059	9.983.948.938	11.954.591.121
Cộng	27.047.585.936	14.820.415.822	12.227.170.114

Năm trước

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán hàng hóa (cà phê)	21.250.147.000	18.476.028.735	2.774.118.265
Cung cấp dịch vụ (viễn thông)	-	-	-
Cộng	21.250.147.000	18.476.028.735	2.774.118.265

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh (hợp nhất) của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu



NGUYỄN HẢI LINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN HẢI LINH

Tổng Giám đốc



LAN, WAN-CHEN